

Số: /SCT-QLXNK

Quảng Ngãi, ngày 02 tháng 7 năm 2021

BÁO CÁO

Tổng kết tình hình thực hiện Nghị quyết số 49/NQ-CP và đề xuất nội dung cho Nghị quyết mới về hội nhập kinh tế quốc tế

Thực hiện Công văn 10/BCĐLNKT-VP ngày 26/5/2021 của Ban Chỉ đạo liên ngành hội nhập quốc tế về kinh tế; Công văn số 2453/UBND-KT ngày 01/6/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc báo cáo tổng kết, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết số 49/NQ-CP ngày 10/7/2014 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh; Sở Công Thương (*Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo liên ngành hội nhập quốc tế về kinh tế tỉnh*) báo cáo kết quả thực hiện như sau:

I. Tình hình triển khai các nhóm nhiệm vụ nêu tại Nghị quyết 49/NQ-CP

1. Hoàn thiện pháp luật và thể chế kinh tế

Công tác kiểm tra, rà soát văn bản pháp luật được tiến hành thường xuyên nhằm đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của văn bản cũng như đối tượng, phạm vi điều chỉnh của văn bản; tiếp tục xây dựng, hoàn thiện thể chế các VBQPPL đáp ứng yêu cầu của hội nhập quốc tế (HNQT), hội nhập kinh tế quốc tế (HNKTQT) của đất nước và của tỉnh trong tình hình mới; tăng cường tuyên truyền pháp luật, giải đáp pháp luật và hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhằm nâng cao ý thức chấp hành pháp luật trong sản xuất kinh doanh, bảo đảm cho doanh nghiệp chấp hành pháp luật, tránh rủi ro pháp lý, ngừa tranh chấp, thiệt hại trong kinh doanh khi thực thi các cam kết hội nhập trong môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp.

Trong giai đoạn 2016-2020, thẩm định 501 lượt dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) và đề nghị xây dựng nghị quyết của HĐND tỉnh. Thành lập 18 Hội đồng tư vấn thẩm định dự thảo văn bản QPPL, tổ chức 16 cuộc họp tư vấn thẩm định dự thảo văn bản QPPL và đề nghị xây dựng văn bản QPPL. Qua thẩm định, HĐND và UBND tỉnh đã ban hành 399 văn bản QPPL (161 nghị quyết và 238 quyết định), trong đó có 11 văn bản quy phạm pháp luật làm cơ sở và tạo tiền đề để nền kinh tế tỉnh thực hiện hội nhập kinh tế quốc tế, bao gồm: Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐND và Quyết định số 36/2016/QĐ-UBND ban hành Quy định về ưu đãi, hỗ trợ và thu hút đầu tư của tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 40/2018/QĐ-UBND ban hành Quy chế quản lý hoạt động thông tin đối ngoại trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 42/2018/QĐ-UBND ban hành Quy chế phối hợp giữa các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trong công tác quản lý người nước ngoài cư trú, hoạt động trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Nghị quyết số 23/2018/NQ-HĐND và Quyết định số 02/2019/QĐ-UBND ban hành Quy định chính sách hỗ trợ người lao động trên địa bàn tỉnh

Quảng Ngãi đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng giai đoạn 2018-2020; Quyết định số 07/2019/QĐ-UBND ban hành Quy định sử dụng và quản lý hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 32/2020/QĐ-UBND ban hành Quy chế quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công và quy định mức chi cho các hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 38/2020/QĐ-UBND ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Quảng Ngãi; Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐND Quy định mức chi tiếp khách nước ngoài vào làm việc, chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chế độ chi tiếp khách trong nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Ngoài ra, HĐND và UBND tỉnh cũng ban hành các chính sách nhằm đào tạo nguồn nhân lực cho địa phương để thực hiện tốt nhiệm vụ về hội nhập kinh tế quốc tế tại 05 văn bản QPPL, gồm: Nghị quyết số 39/2017/NQ-HĐND về việc thông qua Đề án xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ngãi đáp ứng yêu cầu đổi mới, hội nhập và phát triển bền vững; Nghị quyết 26/2016/NQ-HĐND và Quyết định số 69/2016/QĐ-UBND ban hành Đề án tuyển chọn học sinh, sinh viên tỉnh Quảng Ngãi cử đi đào tạo trong và ngoài nước giai đoạn 2016 - 2020 và những năm tiếp; Nghị quyết số 40/2017/NQ-HĐND và Quyết định số 50/2017/QĐ-UBND ban hành Quy định chính sách hỗ trợ cho bác sĩ được chọn, cử đi bồi dưỡng chuyên sâu về chuyên môn và quản lý bệnh viện trong nước và ở nước ngoài.

Quá trình ban hành các Nghị quyết và Quyết định của tỉnh được thẩm định, nghiên cứu, đánh giá, lấy ý kiến tham vấn rộng rãi của các đối tượng có liên quan để đảm bảo nội dung các cơ chế, chính sách của tỉnh phù hợp, không trái với các cam kết của Việt Nam khi tham gia Hiệp định thương mại tự do; đồng thời đảm bảo tính minh bạch, tính cấp thiết và kịp thời, tính phù hợp, tính đầy đủ, đồng bộ và thống nhất, tính hiệu lực, hiệu quả.

Công tác rà soát, hệ thống hoá văn bản: UBND tỉnh ban hành Quyết định công bố kết quả hệ thống hoá văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh trong giai đoạn 2014 - 2018 với tổng số 899 văn bản (295 nghị quyết, 581 quyết định và 23 chỉ thị) trong đó, 562 văn bản còn hiệu lực, 337 văn bản hết hiệu lực toàn bộ, 46 văn bản hết hiệu lực một phần và 89 văn bản kiến nghị cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành văn bản mới thay thế. Ngoài ra rà soát, đánh giá mức độ tương thích của hệ thống các văn bản QPPL về biển với các điều ước quốc tế về biển mà Việt Nam đã và dự định ký kết với tổng số 06 văn bản QPPL của UBND tỉnh có nội dung liên quan đến các quy định về biển còn hiệu lực thi hành, qua kết quả rà soát và đánh giá mức độ tương thích với các điều ước quốc tế về biển mà Việt Nam đã hoặc dự kiến sẽ ký kết, gia nhập có 02 quyết định cần phải được sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành văn bản mới để thay thế cho phù hợp; rà soát pháp luật để đảm bảo thực thi Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên thái bình dương (CPTPP) với tổng số 21 văn bản QPPL (03 nghị quyết của HĐND tỉnh, 16 quyết định và 02 chỉ thị của UBND tỉnh), qua rà soát kiến nghị sửa đổi, bổ sung 01 văn bản.

- Công tác cải cách hành chính được thực hiện tương đối linh hoạt, toàn diện. Cải cách thủ tục và kiểm soát thủ tục hành chính có bước chuyển theo hướng công khai, minh bạch, khắc phục dần sự rườm rà, bất hợp lý; cơ chế một cửa, một cửa liên thông đã tạo nhiều thuận lợi cho tổ chức, công dân trong giao dịch, nhất là giải quyết thủ tục đầu tư, kinh doanh, đất đai, xây dựng... Thành lập Trung tâm hành chính công cấp tỉnh; có 09/13 huyện đã triển khai áp dụng Bộ phận một cửa hiện đại, đạt 69,23%; có 14 cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh đã thực hiện 350 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4. Phê duyệt và công bố Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thành phố.

2. Nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, doanh nghiệp và sản phẩm

a) Về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh

Triển khai Nghị quyết số 02/NQ-CP của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, UBND tỉnh đã chỉ đạo triển khai quyết liệt các biện pháp cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh gắn với trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị tại các Quyết định: số 214/QĐ-UBND ngày 29/3/2019, số 364/QĐ-UBND ngày 20/5/2019 và số 57/QĐ-UBND ngày 22/01/2020.

Tổ chức thành công Hội nghị “Phân tích, đánh giá kết quả PCI năm 2018 và giải pháp năm 2019; Công bố kết quả DDCI năm 2018 và gặp gỡ đối thoại với doanh nghiệp, nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh Quý I/2019”; Hội nghị xúc tiến đầu tư năm 2019 với chủ đề “Quảng Ngãi - Đồng hành cùng doanh nghiệp” với sự tham dự của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc cùng lãnh đạo các bộ, ngành Trung ương, lãnh đạo các tỉnh, thành phố và hơn 500 doanh nghiệp trong nước và quốc tế tham dự.

b) Về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp

Căn cứ Nghị quyết số 35/NQCP của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020, UBND tỉnh đã ban hành các Quyết định số 1383/QĐ-UBND ngày ngày 28/7/2017 và Quyết định số 741/QĐ-UBND ngày 14/5/2018; theo đó, đã chỉ đạo, giao nhiệm vụ cụ thể cho từng sở, ban ngành, địa phương, các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Nghị quyết, Chỉ thị gắn với chức năng, nhiệm vụ cụ thể của từng đơn vị, địa phương; Công bố số điện thoại, địa chỉ thư điện tử của lãnh đạo UBND tỉnh để tiếp nhận kiến nghị, yêu cầu của doanh nghiệp và chỉ đạo, giao nhiệm vụ xử lý; Tổ chức hiệu quả, thành công các buổi đối thoại giữa lãnh đạo tỉnh với cộng đồng doanh nghiệp theo định kỳ nhằm trao đổi, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp; các Chương trình “Cà phê doanh nhân và hỗ trợ khởi nghiệp” được thực hiện 01 tháng/lần vào sáng thứ 7 tuần đầu tiên của mỗi tháng và có khoảng 30 doanh nghiệp tham gia mỗi lần. Từ năm 2021, để phù hợp với yêu cầu trong tình hình mới, UBND tỉnh thay đổi cách thức đối thoại giữa lãnh đạo tỉnh với cộng đồng doanh nghiệp, thực hiện theo định kỳ 01 quý/lần, đối thoại trực tiếp giữa Chủ tịch UBND tỉnh với cộng đồng doanh nghiệp. Với phương châm “đồng hành, hỗ trợ doanh nghiệp”, Tỉnh đã đẩy mạnh công tác hỗ trợ pháp

lý cho doanh nghiệp, giúp các doanh nghiệp phòng ngừa, hạn chế đến mức thấp nhất các tranh chấp, thiệt hại, rủi ro trong quá trình sản xuất kinh doanh nhất là các doanh nghiệp có quy mô nhỏ và vừa. Năm 2018, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 03/01/2018 triển khai Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, trong đó tập trung hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận tín dụng, tiếp cận mặt bằng, mở rộng thị trường, hỗ trợ thông tin, tư vấn pháp lý,...

c) Tích cực triển khai các chương trình xúc tiến thương mại, du lịch, xúc tiến đầu tư; phát triển thương mại điện tử để tăng cường khả năng giao dịch, tìm kiếm mở rộng thị trường

- Công tác xúc tiến thương mại:

Trong những năm qua, công tác xúc tiến thương mại trên địa bàn tỉnh đã đạt được kết quả đáng khích lệ. Hoạt động xúc tiến thương mại nội địa và xúc tiến thương mại nước ngoài đã có nhiều chuyển biến tích cực. Thường xuyên tổ chức tuyên truyền, cập nhật thông tin về chính sách, pháp luật, tình hình phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ, các thông tin về thị trường nội địa, xuất nhập khẩu và các thủ tục hành chính có liên quan đến lĩnh vực công thương lên website Công Thương Quảng Ngãi, Sàn giao dịch thương mại điện tử tỉnh.

Thông tin thường xuyên về các Hội chợ trong và ngoài tỉnh đến các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh biết và có kế hoạch đăng ký tham gia. Đồng thời, vận động, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia hội chợ triển lãm trong nước và quốc tế nhằm quảng bá hình ảnh, sản phẩm của Quảng Ngãi đến với bạn bè khu vực và thế giới. Tổ chức thường niên các chương trình “Tháng khuyến mại”, “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”; Vận động, hỗ trợ các doanh nghiệp bán lẻ, doanh nghiệp cung ứng dịch vụ trên địa bàn tỉnh tham gia Sàn giao dịch thương mại điện tử và ứng dụng thương mại điện tử trong hoạt động kinh doanh.

Xuất bản các ấn phẩm tuyên truyền, phổ biến về các Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đã ký kết, tuyên truyền và giới thiệu về thị trường và chính sách của các quốc gia có cam kết thương mại với Việt Nam như: Cẩm nang về các Hiệp định thương mại tự do dành cho doanh nghiệp hoạt động sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu trên địa bàn tỉnh thuộc 3 nhóm ngành hàng: Dệt may, nông sản, thực phẩm chế biến; Cẩm nang doanh nghiệp “*Tổng quan về Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình dương và thị trường các nước thành viên CPTPP*” để hỗ trợ doanh nghiệp tìm hiểu và thực thi hiệu quả Hiệp định này trong quá trình hội nhập.

- Thương mại điện tử (TMĐT):

Thường xuyên hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức có website TMĐT làm thủ tục thông báo, đăng ký với công thông tin quản lý hoạt động TMĐT Quốc gia, Bộ Công Thương. Tính đến hết tháng 5/2021, trên địa bàn tỉnh có 01 website đã đăng ký, 71 website đã thông báo với Bộ Công Thương theo quy định. Giai đoạn 2016-2021, với trên 440 sản phẩm được hỗ trợ đăng lên Sàn giao dịch thương mại điện tử tỉnh Quảng Ngãi nhằm giới thiệu, quảng bá, giao dịch, tiêu thụ sản phẩm cho trên 130 doanh nghiệp vừa và nhỏ, siêu nhỏ, cơ sở sản xuất kinh doanh, HTX, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh; trong đó bao gồm: 22 bộ sản

phẩm của 22 đơn vị được công nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu; 27 sản phẩm của 16 đơn vị được công nhận sản phẩm OCOP; còn lại là các sản phẩm của các doanh nghiệp vừa và nhỏ, siêu nhỏ, các cơ sở sản xuất kinh doanh, HTX, hộ cá thể trên địa bàn tỉnh.

Tư vấn và hỗ trợ 06 doanh nghiệp tham gia đăng ký gian hàng trên Sàn giao dịch TMĐT Alibaba.com, sendo.vn, lazada.vn.

Hỗ trợ xây dựng miễn phí 30 website TMĐT cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể; Hỗ trợ cung cấp trực tuyến các dịch vụ công liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh cho 10 đơn vị quảng bá sản phẩm thế mạnh tỉnh Quảng Ngãi trên Cổng thông tin tự hào hàng Việt www.tuhaoviet.vn và quảng bá thông tin về tiềm năng xuất khẩu của trên Cổng thông tin www.vietnamexport.com.

- Hoạt động xuất nhập khẩu:

Trong giai đoạn 2016-2020, hoạt động xuất nhập khẩu của tỉnh Quảng Ngãi đã đạt được nhiều thành tựu đáng ghi nhận. Tăng trưởng xuất khẩu vượt mục tiêu đề ra, góp phần quan trọng vào thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

+ Tình hình xuất khẩu: Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi có trên 50 doanh nghiệp tham gia đầu tư, sản xuất kinh doanh xuất khẩu. Năm 2016 kim ngạch xuất khẩu đạt 365 triệu USD, năm 2020 tăng lên 1.409 triệu USD, tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016 - 2020 là 29,1%/năm.

Kim ngạch xuất khẩu của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài năm 2016 đạt 116 triệu USD, năm 2020 đạt 508 triệu USD; tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016-2020 là 30,7%/năm. Hàng hóa tỉnh Quảng Ngãi xuất bán tại trên 40 quốc gia, trong đó chủ yếu tập trung tại các nước: Hoa Kỳ, Trung Quốc, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc và ASEAN... trong đó, thị trường Hoa Kỳ và Trung Quốc là hai thị trường xuất khẩu hàng đầu, giữ mức tăng trưởng cao.

Cơ cấu mặt hàng xuất khẩu chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng hàng công nghiệp chế biến, phù hợp với lộ trình thực hiện mục tiêu của Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2012-2020, cụ thể: Nhóm hàng chế biến nông lâm thủy sản chiếm tỷ trọng 34,8%; nhóm mặt hàng cơ khí, thép chiếm 26,2%; nhóm mặt hàng dệt may, giày da, linh kiện điện tử chiếm 24,1%; còn lại là các mặt hàng khác chiếm 15%.

+ Tình hình nhập khẩu: Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa năm 2016 đạt 353 triệu USD, năm 2020 đạt 1.675 triệu USD. Bình quân giai đoạn 2016-2020, kim ngạch nhập khẩu tăng 40,9%/năm.

Xét theo mối quan hệ xuất khẩu và nhập khẩu, năm 2020 kim ngạch nhập khẩu cao hơn kim ngạch xuất khẩu 266 triệu USD, tức nhập siêu. Tuy nhiên xét theo mục đích, các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu là dầu thô; sắt thép; máy móc, phụ tùng thay thế; nguyên phụ liệu may mặc phục vụ cho nhu cầu sản xuất các nhà máy trong Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp ở tỉnh nên tích cực.

- Công tác xúc tiến du lịch:

Tuyên truyền, quảng bá hình ảnh và văn hóa của tỉnh Quảng Ngãi tới khách du lịch trong nước và quốc tế: Lồng ghép việc tuyên truyền, quảng bá giá

trị văn hóa trong các chương trình, sự kiện quảng bá, xúc tiến du lịch. Thông qua hoạt động du lịch nhằm tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cộng đồng dân cư và du khách về trách nhiệm bảo vệ các giá trị tự nhiên, văn hóa bản địa phục vụ phát triển du lịch. Cụ thể:

+ Xây dựng và ban hành Bộ quy tắc ứng xử trong hoạt động du lịch trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi nhằm góp phần xây dựng văn hóa doanh nghiệp, doanh nhân với ý thức tôn trọng pháp luật, giữ gìn chữ tín, cạnh tranh lành mạnh, phát huy ý thức tự tôn dân tộc; góp phần xây dựng chuẩn mực, hành vi ứng xử phù hợp trong hoạt động du lịch tại địa phương, tạo hình ảnh văn minh, lịch sự của du lịch tỉnh Quảng Ngãi

+ Thường xuyên phối hợp với các cơ quan thông tấn báo chí giới thiệu hình ảnh đất nước, con người, truyền thống, lịch sử, văn hóa và ẩm thực, du lịch tỉnh Quảng Ngãi đến với du khách trong nước và bạn bè quốc tế: Phối hợp với Trung tâm Quảng cáo và Dịch vụ Truyền hình thực hiện các chương trình “S Việt Nam”, “VTV Travel”, “Dặm dài đất nước” phát sóng trên kênh VTV1 và VTV3, VTV4 – Đài Truyền hình Việt Nam; phối hợp với Đài Phát thanh – Truyền hình Quảng Ngãi thực hiện chuyên mục “Khám phá đất Quảng”, “Quảng Ngãi – Điểm đến an toàn và thân thiện” phát sóng trên kênh PTQ và các kênh mạng xã hội như: youtube, fanpage; giới thiệu, quảng bá về du lịch Quảng Ngãi trên tạp chí VCCI, Tạp chí Doanh nghiệp và Thương mại, Tạp chí Việt Nam Hội nhập, Báo Du lịch, Tạp chí Du lịch, Tạp chí Vietnam Business Forum (Diễn đàn doanh nghiệp), Báo Quảng Ngãi...

+ Tham gia các sự kiện du lịch quốc tế nhằm giới thiệu, quảng bá hình ảnh, đất nước và con người Quảng Ngãi, các sản phẩm du lịch của Quảng Ngãi; đồng thời, tạo điều kiện để các doanh nghiệp du lịch có cơ hội tiếp xúc, tìm kiếm đối tác, ký kết hợp đồng, mở rộng kinh doanh, quảng bá và bán sản phẩm của mình trực tiếp với các hãng lữ hành trong nước và quốc tế: Phối hợp với doanh nghiệp tham gia Hội chợ Du lịch quốc tế VITM Hà Nội và Ngày hội Du lịch TP.HCM, Hội chợ Du lịch quốc tế ITE Tp Hồ Chí Minh, Hội chợ Du lịch quốc tế Biển (Nha Trang), Hội chợ Du lịch quốc tế Đà Nẵng, Hội chợ du lịch quốc tế Cần Thơ, Hội nghị phát triển du lịch miền Trung và Tây Nguyên tại Thừa Thiên Huế, Diễn đàn liên kết phát triển du lịch giữa Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung (Bình Định, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Thừa Thiên Huế);...

+ Ứng dụng công nghệ thông tin, các thành tựu khoa học vào công tác tuyên truyền, quảng bá xúc tiến đầu tư du lịch: Tuyên truyền, giới thiệu về truyền thống, văn hóa, lịch sử, con người Quảng Ngãi tiềm năng phát triển du lịch của tỉnh đến với du khách trong nước và bạn bè quốc tế trên trang web của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, website Du lịch Quảng Ngãi, Fanpage Du lịch Quảng Ngãi – Khám phá mới, Fanpage Khám phá đất Quảng; Website, facebook, youtube, và các phương tiện truyền thông khác...

+ Xây dựng và vận hành ứng dụng du lịch di động thông minh (App Du lịch) nhằm xây dựng hệ thống thông tin, cung cấp các dịch vụ hỗ trợ và quản lý du khách, mở rộng các khả năng kinh doanh mới của các nhà cung cấp dịch vụ du lịch, tạo nên nhiều trải nghiệm mới cho khách du lịch thông qua kết nối

internet và mạng lưới di động.

+ Xây dựng, phát hành các thông tin tư liệu quảng bá, xúc tiến du lịch bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh như: Cẩm nang Du lịch Quảng Ngãi, Tập gấp Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia Lễ Khao lè thể lính Hoàng Sa, sách “Quảng Ngãi – Hành trình khám phá di sản văn hóa, địa chất biển đảo”, sổ tay hình ảnh hóa Bộ quy tắc ứng xử trong hoạt động du lịch tỉnh Quảng Ngãi,...

+ Tổ chức ký kết hợp tác phát triển cùng với các tỉnh, các nước trong khu vực nhằm đẩy mạnh phát triển công nghiệp văn hóa và đưa thị trường dịch vụ, sản phẩm văn hóa tỉnh nhà đến với các khách hàng trong nước và ngoài nước, như: Ký kết chương trình hợp tác phát triển văn hóa, thể thao và du lịch với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch các tỉnh KomTum, Nghệ An, Bình Định. Tham gia Diễn đàn liên kết phát triển du lịch giữa thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung tại Hội An năm 2020 và ký thỏa thuận hợp tác phát triển du lịch giai đoạn 2020-2025 giữa 7 địa phương, Hiệp Hội Du lịch tỉnh ký Thỏa thuận hợp tác với các hãng hàng không và các doanh nghiệp tỉnh ký thỏa thuận hợp tác với doanh nghiệp các địa phương trong liên kết tại Diễn đàn.

- *Công tác xúc tiến đầu tư:*

Thường xuyên cập nhật thông tin về kinh tế - xã hội, môi trường đầu tư của tỉnh trên website của các cơ quan chức năng; phát hành sách, sổ tay hướng dẫn giới thiệu môi trường đầu tư của tỉnh với ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh, nhằm cung cấp những thông tin kịp thời, mới nhất tới các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Các đơn vị chức năng tích cực gỡ gỡ, trao đổi thông tin về môi trường đầu tư, hướng dẫn nhà đầu tư các thủ tục thực hiện dự án đầu tư tại tỉnh. Riêng trong thời gian từ đầu năm 2021 đến nay, do tình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, các cuộc gặp gỡ trực tiếp với các nhà đầu tư đã hạn chế, thay vào đó là trao đổi thông tin bằng văn bản, thư điện tử và điện thoại.

Kết quả thu hút đầu tư nước ngoài: Một trong những thành quả của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế là thu hút đầu tư nước ngoài thông qua các dự án FDI. Các dự án FDI tham gia đầu tư vào Tỉnh đã từng bước chuyển giao công nghệ, kỹ năng quản lý chuyên nghiệp, giải quyết việc làm, cải thiện kim ngạch xuất khẩu góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội.

Giai đoạn 2016-2020, công tác thu hút đầu tư nước ngoài (FDI) đạt được kết quả đáng ghi nhận, vượt xa so với giai đoạn 2010-2015. Đã thu hút được 41 dự án FDI đầu tư tại tỉnh với tổng vốn đầu tư 1.023 triệu USD. Các dự án tập trung vào lĩnh vực sản xuất công nghiệp (38 dự án, tỷ lệ 88,37%), lĩnh vực dịch vụ công nghiệp (05 dự án, tỷ lệ 11,63%). Các nhà đầu tư đến từ 11 quốc gia: Hàn Quốc (13 dự án), Trung Quốc (06 dự án), Hồng Kông (05 dự án), Nhật Bản (04 dự án), Singapore (03 dự án), Thái Lan (02 dự án), Malaysia (02 dự án), Anh (02 dự án), Bỉ (01 dự án), Mỹ (01 dự án), Pháp (01 dự án). Đến thời điểm hiện tại, toàn tỉnh có 61 dự án FDI còn hiệu lực với tổng vốn đầu tư 1.987,64 triệu USD; trong đó, 39 dự án đang hoạt động, 22 dự án đang triển khai đầu tư.

3. Phát triển đồng bộ các yếu tố của nền kinh tế thị trường

a) Lĩnh vực tài chính

Thị trường tiền tệ, vốn: Ngân hàng Nhà nước tỉnh đã chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn thực hiện tập trung vốn cho sản xuất kinh doanh. Triển khai kịp thời các cơ chế, chính sách tiền tệ, cải tiến các quy trình, thủ tục cung cấp sản phẩm dịch vụ ngân hàng để mọi thành phần kinh tế dễ dàng tiếp cận sử dụng dịch vụ. Thường xuyên chỉ đạo các tổ chức tín dụng chủ động, linh hoạt trong việc thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm nhằm xây dựng kế hoạch kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Thực hiện tăng trưởng tín dụng đi đôi với bảo đảm an toàn cho hoạt động ngân hàng trên địa bàn; tập trung vốn cho các lĩnh vực ưu tiên và hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp.

Công tác quản lý ngoại hối và kinh doanh vàng trên địa bàn được triển khai liên tục, đảm bảo thị trường vàng, ngoại tệ duy trì hoạt động ổn định, thanh khoản thị trường diễn ra bình thường, các nhu cầu ngoại tệ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân được đáp ứng đầy đủ, kịp thời.

Tổng vốn huy động đến năm 2020 ước đạt 56.080 tỷ đồng, tăng bình quân 8,8%/năm. Dư nợ cho vay tăng trưởng ổn định, bình quân khoảng 13%; tổng dư nợ đến tháng 10/2020 khoảng 50.100 tỷ đồng. Nợ xấu dưới mức 3,0%.

b) Lĩnh vực khoa học - công nghệ

- Nghiên cứu và ứng dụng khoa học có bước tiến bộ nhất định. Nội dung các chương trình, đề tài, dự án phục vụ sát thực các nhiệm vụ trọng tâm phát triển kinh tế - xã hội theo tinh thần Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX. Từ năm 2016 đến nay đã nghiệm thu kết quả và chuyển giao ứng dụng 36/45 nhiệm vụ khoa học và công nghệ, trong đó, tập trung vào các lĩnh vực nông nghiệp, kỹ thuật công nghệ, tài nguyên môi trường, xã hội nhân văn, y dược, kỹ thuật công nghệ, tài nguyên môi trường, xã hội nhân văn, y dược...

Đẩy mạnh hỗ trợ doanh nghiệp trong việc bảo vệ tài sản thương hiệu; khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các chương trình đổi mới thiết bị, công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, tham gia các chương trình nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm; phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ; hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo. Các địa phương, tổ chức, doanh nghiệp đã quan tâm đến việc xây dựng nhãn mác hàng hóa, tạo lập thương hiệu cho sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, đăng ký quyền sở hữu trí tuệ. Hướng dẫn 368 tổ chức, cá nhân xác lập quyền sở hữu công nghiệp; có 179/345 đơn đăng ký được cấp văn bằng bảo hộ nhãn hiệu, 02/05 văn bằng bảo hộ kiểu dáng công nghiệp và 02/04 văn bằng bảo hộ sáng chế. Hỗ trợ cho 17 dự án tham gia Chương trình hỗ trợ đổi mới thiết bị, công nghệ tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 – 2020... Tích cực triển khai các hoạt động hướng dẫn, giám sát và tăng cường thực thi pháp luật về đo lường, chất lượng, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

c) Xây dựng và phát triển hạ tầng về viễn thông, kỹ thuật số, công nghệ thông tin tạo thuận lợi, động lực phát triển kinh tế xã hội

Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước thời gian qua được đầu tư, trang bị và ngày càng hoàn thiện. Nhiều cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin và phần mềm quản lý chuyên ngành đã được quan tâm đầu tư và

triển khai áp dụng ngày càng phát huy tác dụng và phục vụ đắc lực cho công tác tham mưu chuyên môn nghiệp vụ và quản lý, điều hành của các cấp. Đầu tư và đưa vận hành Trung tâm dữ liệu tỉnh Quảng Ngãi (Datacenter).

Hạ tầng bưu chính, viễn thông phát triển mạnh, cung cấp đầy đủ các dịch vụ đến vùng sâu, vùng xa của tỉnh, đáp ứng tốt nhu cầu về thông tin liên lạc. Duy trì ổn định mạng bưu chính của tỉnh, với 210 điểm phục vụ; triển khai 40 điểm phục vụ bưu chính để thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết Thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích; các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực giao nhận phát triển mạnh mẽ.

Các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông cung cấp đầy đủ các dịch vụ loại dịch vụ viễn thông; các mạng VNPT, Viettel, Mobifone triển khai cung cấp dịch vụ 3G, 4G trên toàn tỉnh với 1.350 vị trí trạm thông tin di động (*trạm BTS*), đảm bảo phủ sóng di động khu vực nông thôn và miền núi, đạt 99% khu vực có dân cư sinh sống. Tỷ lệ người sử dụng Internet đạt khoảng 49% dân số, 82,3% xã, phường, thị trấn có điểm cung cấp dịch vụ bưu chính, viễn thông. Hiện còn 8 xã chưa có điểm phục vụ bưu chính, viễn thông công cộng. Chuyển hoàn toàn phát sóng truyền hình mặt đất từ công nghệ tương tự sang công nghệ số; 100% hộ gia đình trên địa bàn tỉnh thu, xem được truyền hình số (*mặt đất và vệ tinh*).

d) Lĩnh vực lao động

Trong giai đoạn năm 2016 - 2020, toàn tỉnh đã giải quyết việc làm mới và có việc làm tăng thêm cho 180.984 lao động. Tổng số người tham gia đi làm việc ở ngoài là 7.466 lượt người. Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị giảm còn 3,5%. Đã thu thập, cập nhật thông tin cung lao động của 314.977 hộ gia đình, cầu lao động tại 2.183 doanh nghiệp. Tổ chức 116 phiên giao dịch việc làm, thu hút khoảng 136.555 lượt người, trong đó: người lao động tham gia 31.583 lượt, lao động thất nghiệp tham gia 104.972 lượt người. Tổng nguồn vốn ngân sách tỉnh, huyện đã chuyển sang Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay giải quyết việc làm là 127.080 triệu đồng. Tổ chức tiếp nhận, xem xét và giải quyết kịp thời các chế độ bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động. Số người thất nghiệp được tư vấn giới thiệu việc làm là 104.972 lượt người, số người có được việc làm là 26.975 người. Thủ tục cấp giấy phép cho lao động nước ngoài được thực hiện nhanh chóng chỉ còn 01 ngày so với 05 ngày theo quy định, giai đoạn 2016 - 2020, đã cấp mới 4.194 giấy phép cho lao động nước ngoài.

4. Hiện đại hóa nông nghiệp và phát triển nông thôn

- Tiếp tục thực hiện Nghị quyết 26-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh theo hướng phát triển toàn diện, nâng cao chất lượng sản phẩm nông nghiệp góp phần tăng hiệu quả sức cạnh tranh của nền kinh tế. Khai thác tiềm năng, thế mạnh từng vùng, luân canh, tăng vụ chuyển đổi cơ cấu cây trồng, đảm bảo an ninh lương thực, giảm tỷ lệ hộ nghèo, đặc biệt là khu vực nông nghiệp, nông thôn. Hàng năm triển khai xây dựng trên 100 cánh đồng lớn trong sản xuất lúa, với quy mô 2.000 ha; Ngoài ra, đẩy mạnh phát triển cây ăn quả tại một số địa phương có điều kiện thuận lợi nhất định với diện tích thâm canh khoảng 250 ha; diện tích trồng mới 43,25ha. Tổng diện tích dồn điền đổi thửa

đến nay ước đạt 7.751,5 ha. Từng bước khắc phục tình trạng manh mún ruộng đất, hình thành vùng sản xuất tập trung phù hợp với điều kiện của từng địa phương, thuận lợi cho việc phát triển giao thông và thủy lợi nội đồng, đưa cơ giới hóa vào sản xuất, giảm chi phí đầu tư, tăng năng suất, sản lượng và chất lượng nông sản hàng hóa, hiệu quả kinh tế tăng lên rõ rệt.

- Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp:

+ Lĩnh vực trồng trọt: Việc áp dụng các quy trình sản xuất tiên tiến và giống mới vào sản xuất thành công đã làm cho năng suất, sản lượng các loại cây trồng có bước tăng khá, được bà con nông dân hưởng ứng nhân rộng. Tiêu biểu như: Dự án Ứng dụng KH&CN phát triển cây ăn quả hàng hóa tại huyện Nghĩa Hành, từ việc thử nghiệm 45 ha ban đầu với 3 loại cây ăn quả (sầu riêng hạt lép, bưởi da xanh, chôm chôm java) đến nay đã phát triển trên 400 hecta; Dự án sản xuất Hành tím theo tiêu chuẩn Vietgap tại xã Bình Hải, huyện Bình Sơn đạt năng suất 14 tấn/ha/năm; Dự án sản xuất lạc thương phẩm ở Tịnh Thọ, năng suất vụ Hè thu đạt 32 tạ/ha, vụ Đông xuân đạt 38 tạ/ha; Dự án sản xuất lúa ở Mộ Đức, Nghĩa Hành, Tịnh Bắc Sơn Tịnh, nhiều mô hình năng suất đạt trên 65 tạ/ha;... Đặc biệt, hiện nay đã thực hiện thành công đề tài Chọn tạo và phát triển một số giống lúa mới (QNg6, QNg13, QNg128) ngắn ngày, có năng suất cao, phẩm chất gạo tốt, khả năng kháng bệnh cao, phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng và biến đổi khí hậu để phục vụ sản xuất tăng thu nhập cho nông dân Quảng Ngãi và một số tỉnh miền Trung.

- Lĩnh vực chăn nuôi: đã triển khai thực hiện các dự án ứng dụng KH&CN phục vụ phát triển chăn nuôi bò ở thị xã Đức Phổ và các xã miền núi huyện Sơn Tịnh; cải tạo, phát triển đàn trâu ở Minh Long, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành; chăn nuôi gà an toàn ở Sơn Hà và Trà Phú (Trà Bồng) đã mang lại hiệu quả thiết thực, tăng năng suất, chất lượng sản phẩm và tạo thu nhập đáng kể cho nông dân. Với việc áp dụng giống mới, với các quy trình kỹ thuật chăn nuôi hợp lý, năng suất, sản lượng và giá trị thương phẩm gia súc, gia cầm tăng 1,5 - 2 lần. Đàn bò, đàn trâu của tỉnh có bước phát triển đáng kể; hiện nay tỷ lệ đàn bò lai của tỉnh đạt trên 70,6% đứng trong top đầu toàn quốc. Đặc biệt dự án Cải thiện tầm vóc giống trâu địa phương bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo với giống trâu Murash, qua 2 năm thực hiện đã sinh sản được 161 con, khối lượng sơ sinh trung bình ghé đực trên 44,4 kg/con và ghé cái là 40,83 kg/con, trâu lai dễ nuôi, ăn khỏe chóng lớn, thể hình đẹp, tạo ra bước đột phá về năng suất, sản lượng, thu nhập trong chăn nuôi trâu của bà con nông dân trong tỉnh.

- Lĩnh vực thủy, hải sản: các đề tài, dự án bước đầu đã góp phần bảo vệ, tái tạo nguồn lợi thủy hải sản, tạo ra đối tượng nuôi mới, chủ động con giống và phát triển nghề nuôi trồng thủy hải sản cho ngư dân. Các đề tài, dự án khoa học và công nghệ đã tập trung điều tra đánh giá nguồn lợi và đề xuất giải pháp bảo vệ, phát triển và khai thác bền vững nguồn lợi của Đệp tại huyện đảo Lý Sơn và các huyện ven biển; thử nghiệm kỹ thuật sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá Bớp, cá Diạ,... Đặc biệt, mô hình nuôi thử nghiệm thương phẩm Nhum sọ tại đảo Lý Sơn thành công sẽ mở ra hướng mới trong nuôi trồng thủy hải sản ở khu vực biển ven bờ.

- Đổi mới hình thức tổ chức sản xuất: Đến 31/12/2020, toàn tỉnh có 203 hợp tác xã (HTX) nông nghiệp. Có trên 40 hợp tác xã tham gia liên kết với doanh nghiệp; gần 50 doanh nghiệp có hợp đồng liên kết với hợp tác xã và nông dân với quy mô trên 1.324 ha; giữa doanh nghiệp và nông dân trên 2.677 ha. Các hợp tác xã từng bước đáp ứng được yêu cầu sản xuất và tiêu thụ nông sản của thành viên và các nông hộ. Doanh thu trung bình của 01 HTX: 1.500 triệu đồng/năm; lợi nhuận trước thuế của HTX: 75 triệu đồng/năm; thu nhập bình quân từ lương của người lao động làm việc thường xuyên trong HTX: 35 triệu đồng/năm;

- Công tác xây dựng nông thôn mới: Sau 05 năm thực hiện (2016 – 2020), Tỉnh ủy đã ban hành 02 Kết luận, HĐND tỉnh ban hành 10 Nghị quyết và UBND tỉnh đã ban hành 19 Quyết định và nhiều văn bản chỉ đạo điều hành khác để đẩy mạnh thực hiện Chương trình xây dựng Nông thôn mới. Đến cuối năm 2020, có 98 xã và 03 huyện đạt chuẩn nông thôn mới, số tiêu chí bình quân/xã là 16,5 vượt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra; không còn xã dưới 5 tiêu chí.

Cùng với nguồn lực của Trung ương, địa phương, còn tập trung huy động nguồn lực từ nhân dân để đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội vùng nông thôn. Trong giai đoạn năm 2016 – 2020, tổng nguồn vốn huy động và lồng ghép để đầu tư nông thôn đạt 11.767 tỷ đồng, trong đó, ngân sách trung ương 1.474 tỷ đồng, vốn ngân sách địa phương 3.342 tỷ đồng; vốn lồng ghép từ chương trình khác là 3.086 tỷ đồng; vốn tín dụng 3.156 tỷ đồng; vốn doanh nghiệp 167 tỷ đồng; đóng góp của cộng đồng dân cư là 500 tỷ đồng...

5. Bảo vệ tài nguyên, môi trường và phát triển bền vững, đảm bảo an sinh xã hội và an ninh quốc phòng

a) Bảo vệ tài nguyên, môi trường và phát triển bền vững

- Công tác quản lý nhà nước về môi trường đã có nhiều chuyển biến tích cực, tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện trong đó tăng cường hướng dẫn, hỗ trợ các địa phương trong công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường nhằm nâng cao năng lực quản lý môi trường của các địa phương, cụ thể như: thường xuyên tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về môi trường trên sóng truyền hình, trong bản tin môi trường; tổ chức các hoạt động hưởng ứng nhân các ngày Lễ về môi trường như: Ngày Quốc tế đa dạng sinh học, Ngày Môi trường Thế giới và tháng hành động vì môi trường, Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn, Ngày Đại dương Thế giới, Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam,..., đã huy động và thu hút hàng ngàn đại biểu tham dự, đồng thời kết hợp trao tặng Giải thưởng Môi trường tỉnh Quảng Ngãi 2 năm/lần (từ năm 2012) cho các tổ chức, cá nhân, cộng đồng đã có thành tích xuất sắc trong sự nghiệp bảo vệ môi trường. Chương trình truyền thông môi trường trên các phương tiện thông tin đại chúng tiếp tục được triển khai mạnh và hiệu quả như: mở chuyên đề “Môi trường và Cuộc sống” trên sóng Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh; hàng quý có bản tin về tài nguyên và môi trường. Thời lượng thông tin về chuyên mục môi trường trên Đài truyền thanh huyện, thành phố tăng lên; các huyện miền núi sử dụng cả tiếng Kinh và tiếng người dân tộc thiểu số để tuyên truyền.

- Công tác thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường đối với các dự án thực hiện kịp thời, đúng pháp luật. Hoàn chỉnh các quy định tiêu chuẩn về môi trường; tăng cường việc kiểm soát ô nhiễm đối với các cơ sở hoạt động trong các đô thị, khu dân cư, khu công nghiệp, khu kinh tế, cụm công nghiệp làng nghề. Xây dựng kế hoạch ứng phó về biến đổi khí hậu và sự cố tràn dầu trên biển. Bảo vệ môi trường, hệ sinh thái phát triển theo chiều hướng bền vững.

- Đối với công tác ngăn ngừa và khắc phục hậu quả do sự cố môi trường: trong năm qua công tác phối hợp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trên địa bàn tỉnh bước đầu đã mang lại kết quả nhất định, công tác hỗ trợ xử lý, khắc phục một số điểm nóng, bức xúc về môi trường đã có những chuyển biến tích cực. Việc áp dụng các quy định quốc tế về tiêu chuẩn môi trường trên địa bàn tỉnh đều thực hiện theo Bộ quy chuẩn, tiêu chuẩn Quốc gia. Công tác xã hội hóa hoạt động bảo vệ môi trường trong thời gian qua đã được tỉnh tích cực khuyến khích, kêu gọi đầu tư đặc biệt trong lĩnh vực xử lý chất thải rắn. Đến nay, tỉnh đã kêu gọi được 04 dự án về lĩnh vực xử lý chất thải sinh hoạt.

- Về công tác kiểm tra, kiểm soát ô nhiễm môi trường: UBND tỉnh đã đầu tư hệ thống tiếp nhận, quản lý dữ liệu quan trắc môi trường tự động liên tục và chỉ đạo điều tra, khảo sát xây dựng Đề án đầu tư hệ thống quan trắc chất thải tự động liên tục giai đoạn 2017-2020 và định hướng đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi theo hướng phát triển mạnh hệ thống quan trắc tự động, góp phần giám sát môi trường, giám sát một số nguồn thải trên địa bàn tỉnh.

- Công tác bảo tồn đa dạng sinh học: Thực hiện Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, xây dựng bộ tài liệu cơ bản về công tác bảo tồn đa dạng sinh học cho các địa phương; tập huấn nâng cao năng lực nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, cán bộ thực hiện công tác bảo tồn đa dạng sinh học cấp xã của 6 huyện miền núi, nâng cao năng lực cán bộ cấp xã trong tham gia các chương trình bảo tồn đa dạng sinh học.

Trong những năm qua đã tỉnh Quảng Ngãi triển khai thực hiện nhiều biện pháp bảo vệ rừng, phòng chống chặt phá rừng trên địa bàn tỉnh; thường xuyên chỉ đạo lực lượng Kiểm lâm tăng cường đấu tranh, phòng chống các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ rừng; chủ động tổ chức nhiều đợt tuần tra, kiểm tra, truy quét tại các khu vực thường xảy ra phá rừng. Nhờ đó, các điểm nóng về khai thác, phá rừng được phát hiện và ngăn chặn kịp thời, xử lý hiệu quả, góp phần đảm bảo an ninh trật tự xã hội, bảo vệ vốn rừng. Ban hành nhiều văn bản về việc nghiêm cấm sử dụng chất nổ, xung điện, chất độc để khai thác thủy sản và tăng cường bảo vệ nguồn lợi thủy sản; tăng cường quản lý vật liệu nổ, ngăn chặn tình trạng buôn bán, vận chuyển và sử dụng thuốc nổ khai thác thủy sản trái phép trên biển; tăng cường quản lý phát triển tàu cá trên địa bàn tỉnh, chỉ đạo tạm dừng phát triển nghề lưới kéo và nghề lặn (chỉ cấp phép đóng mới cho chủ tàu có tàu cá làm nghề lặn đã giải bản và các chủ tàu tham gia hợp tác quốc tế theo chủ trương của UBND tỉnh), cấm cải hoán và chuyển từ các nghề khác sang nghề lưới kéo nhằm hạn chế phát triển, giảm các nghề có tác động xấu đến môi trường và nguồn lợi, từng bước giảm tỷ lệ nghề lưới kéo xuống 25% trong cơ cấu nghề khai thác hải sản.

b) Công tác đảm bảo an ninh, quốc phòng

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 22/9/2008 của Bộ Chính trị (khóa X) về “Tiếp tục xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành khu vực phòng thủ vững chắc trong tình hình mới”. Tiếp tục tổ chức quán triệt Nghị định 21/2019/NĐ-CP ngày 22/02/2019 của Chính phủ về khu vực phòng thủ và các văn bản có liên quan. Thường xuyên làm tốt công tác tuyên truyền giáo dục nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, nâng cao khả năng SSCĐ và phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong việc xây dựng khu vực phòng thủ.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị định số 03/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ về phối hợp giữa Bộ Công an và Bộ Quốc phòng trong thực hiện nhiệm vụ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng chống tội phạm và nhiệm vụ quốc phòng.

- Tập trung triển khai thực hiện hiệu quả các nghị quyết, chương trình của Bộ Chính trị, Chính phủ về công tác phòng, chống tội phạm. Trên cơ sở đó, lực lượng Công an phối hợp với các lực lượng chức năng, đấu tranh làm thất âm mưu, hoạt động móc nối, liên kết trong - ngoài, không để thành lập các hội, nhóm, tổ chức phản động; đấu tranh, ngăn chặn, vô hiệu hóa số đối tượng cực đoan, chống đối trên địa bàn tỉnh. Mở 25 đợt cao điểm đấu tranh, trấn áp các loại tội phạm và hành vi vi phạm pháp luật; điều tra khám phá 2.500/2.951 vụ phạm pháp hình sự; điều tra, xử lý 689 vụ vi phạm pháp luật về kinh tế, tham nhũng, chức vụ; điều tra, xử lý 1.107 vụ vi phạm pháp luật về môi trường, an toàn thực phẩm.

- Tiếp tục duy trì chế độ sẵn sàng chiến đấu đảm bảo an toàn tuyệt đối các hoạt động chính trị đối ngoại trong thời gian diễn ra các sự kiện quan trọng trên địa bàn tỉnh. Triển khai đồng bộ các đợt cao điểm trấn áp tội phạm, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đặc biệt là các khu vực nhạy cảm, đông dân cư và trong các khu, cụm công nghiệp. Qua đó, số lượng vụ việc vi phạm an ninh trật tự đã giảm dần qua các năm. Công tác quản lý hoạt động xuất nhập cảnh cũng được thực hiện tốt, đảm bảo tuyệt đối an toàn, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân nước ngoài đến đầu tư, giao lưu văn hóa, du lịch và làm việc tại địa phương; nhận thức đúng đắn tính chất hai mặt của xu thế hóa toàn cầu, tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan nội chính chủ động nắm chắc tình hình, đề ra các biện pháp đấu tranh có hiệu quả với các hoạt động “Diễn biến hòa bình” làm thất bại mọi âm mưu chống phá của các thế lực thù địch. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với củng cố, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh.

- Tuyên truyền vận động quần chúng nhân dân chấp hành nghiêm đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, vận động ngư dân yên tâm vươn khơi bám biển, kết hợp bảo vệ chủ quyền ở Quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa; tuyên truyền Công ước của Liên hiệp quốc về Luật Biển năm 1982, các Hiệp định, Hiệp nghị đã ký kết giữa Nhà nước Việt Nam với các nước trong khu vực được 472 buổi/66.983 lượt người tham gia. Vận động ngư dân chấp hành Nghị định số 03/2002/NĐ-CP ngày 07/01/2002 của Chính phủ về bảo vệ an ninh, an toàn dầu khí, các hạng mục của công trình Nhà máy lọc dầu Dung Quất được 507 buổi/55.488 lượt người tham gia. Đẩy mạnh Cuộc vận động

“Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về đường lối đối ngoại của Đảng, Nhà nước ta cho hàng trăm lượt người Việt Nam định cư ở nước ngoài về thăm thân và người nước ngoài đến địa bàn làm việc, tham quan du lịch, hợp tác đầu tư.

- Công tác bảo vệ bí mật nhà nước tiếp tục được tăng cường; các quy định của Đảng, Nhà nước về công tác bảo vệ bí mật nhà nước được triển khai quán triệt kịp thời, đã tổ chức nhiều hội nghị quán triệt và tập huấn về công tác bảo vệ bí mật nhà nước. Đảm bảo an ninh, an toàn các sự kiện chính trị của đất nước, các đoàn cấp cao của Đảng, Nhà nước về thăm, làm việc tại địa phương; các hội nghị xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước.

c) Bảo đảm an sinh xã hội

- Các chính sách xã hội, an sinh xã hội tập trung chăm lo cho các đối tượng chính sách, người cao tuổi, đồng bào nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số vùng sâu, vùng xa; huy động nguồn lực hỗ trợ, giúp đỡ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Qua đó, từ năm 2016 đến nay có 100% đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện xã, phường quản lý được hưởng đầy đủ theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP của Chính phủ; giải quyết chế độ cho trên 29.720 người là người có công và thân nhân người có công với cách mạng; trợ giúp xã hội cho 401.818 lượt đối tượng, trong đó, ưu tiên nhóm đối tượng là người có công thuộc diện hộ nghèo, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn, người khuyết tật, người cao tuổi cô đơn và các đối tượng bảo trợ xã hội khác...

- Các chính sách giảm nghèo được thực hiện đồng bộ, kịp thời đã góp phần cải thiện điều kiện sống và tăng khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản như: đầu tư xây dựng hạ tầng thiết yếu, chính sách tín dụng ưu đãi; chính sách hỗ trợ làm nhà ở; chính sách hỗ trợ giáo dục, dạy nghề, bảo hiểm y tế cho người nghèo, cận nghèo và người dân tộc thiểu số, người sống ở xã đặc biệt khó khăn. Cải thiện sinh kế và nâng cao chất lượng cuộc sống của người nghèo, thu nhập bình quân của hộ nghèo đến năm 2020 tăng lên 1,5 lần so với cuối năm 2015. Trong đó, miền núi tăng gấp 2 lần so với cuối năm 2015. Tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn tỉnh đầu năm 2016 có 15,19%, đến cuối năm 2020 giảm xuống còn 6,07%. Bình quân giảm 1,82%/năm, đạt mục tiêu đề ra (1,5-2%/năm). Trong đó, hộ nghèo dân tộc thiểu số đầu năm 2016 có 53,36% (trong tổng số hộ dân tộc thiểu số), ước thực hiện đến cuối năm 2020 giảm xuống còn 25,59%. Bình quân giảm 5,55%, vượt 1,55% so với mục tiêu đề ra (3-4%/năm); tỷ lệ hộ nghèo các huyện miền núi đầu năm 2016 có 46,76% ước thực hiện đến cuối năm 2020 giảm xuống còn 20,52%. Bình quân giảm 5,25%/năm, vượt 1,25% so với mục tiêu đề ra (4%/năm).

6. Đào tạo, phát triển và sử dụng nguồn nhân lực

6.1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải pháp về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong hệ thống chính trị

a) Về công tác đào tạo, bồi dưỡng

- Về đào tạo chuyên môn: Đã cử 642 cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo trình độ đại học; 422 cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo trình độ sau đại

học; trong đó: 03 tiến sĩ nước ngoài, 14 tiến sĩ, 06 thạc sĩ nước ngoài, 219 thạc sĩ, 124 bác sĩ chuyên khoa I, 50 bác sĩ chuyên khoa II, 05 định hướng chuyên khoa, 01 bác sĩ nội trú.

- *Về bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ:* Đã mở 260 lớp bồi dưỡng cho 26.084 lượt cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã. Trong đó, bồi dưỡng theo chức vụ lãnh đạo, quản lý từ cấp phòng trở lên cho 1.615 người; bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch, chức danh nghề nghiệp cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ công chức xã cho 7.117 người; bồi dưỡng lý luận chính trị cho 600 người và bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho 16.752 người. Ngoài ra cử 27 công chức, viên chức đi bồi dưỡng ở nước ngoài.

Việc bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác hội nhập kinh tế quốc tế tại các cơ quan, đơn vị, địa phương cũng đã được quan tâm, chú trọng; theo đó, từ năm 2016 đến nay đã tổ chức được 10 lớp bồi dưỡng kiến thức về hội nhập kinh tế quốc tế cho 979 lượt cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã.

b) Về chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao đến công tác, làm việc tại tỉnh

Từ cuối năm 2016 đến nay, toàn tỉnh đã thu hút được 41 trường hợp có trình độ cao về công tác tại tỉnh nhà, gồm: 30 bác sĩ đa khoa, 04 bác sĩ y học dự phòng, 01 bác sĩ y học cổ truyền, 01 tiến sĩ, 05 thạc sĩ và đại học loại giỏi về công tác; đồng thời, đã chi trả hỗ trợ thu hút (theo Quyết định số 27/2013/QĐ-UBND và 57/2016/QĐ-UBND) cho 35 người với tổng số tiền là 6,97 tỷ đồng. Từ năm 2018, dừng việc tuyển dụng theo chính sách thu hút của tỉnh vì không còn phù hợp với Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 của Chính phủ.

6.2. Về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ sản xuất kinh doanh

a) Về chính sách đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ doanh nhân, nhà quản lý

Đội ngũ doanh nhân, nhà quản lý doanh nghiệp là một nguồn lực quan trọng, không thể tách rời trong các nguồn lực đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Do đó, công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực lãnh đạo của đội ngũ doanh nhân, nhà quản lý doanh nghiệp là nhiệm vụ cấp thiết, được các cấp ủy, lãnh đạo các cấp, các ngành quan tâm. Hàng năm, đã tiến hành điều tra, khảo sát nhu cầu bồi dưỡng đội ngũ doanh nhân của các doanh nghiệp; tổ chức các cuộc hội thảo, tập huấn chuyên đề về đối thoại, tháo gỡ vướng mắc trong sản xuất, kinh doanh; tư vấn và cung cấp các kiến thức cơ bản cho các doanh nghiệp, doanh nhân về cơ hội và thách thức trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế. Trong giai đoạn 2016 - 2020, tỉnh đã mở 35 lớp bồi dưỡng về khởi sự doanh nghiệp, 11 lớp bồi dưỡng về quản trị doanh nghiệp, 5 lớp bồi dưỡng về quản trị doanh nghiệp chuyên sâu với sự tham gia của hơn 2.000 học viên. Tổ chức 5 khóa đào tạo nâng cao nhận thức, cung cấp kiến thức về năng suất, chất lượng cho 162 lượt doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, tổ chức 03 khóa tập huấn cho hơn 300 lượt doanh nghiệp và cán bộ quản lý của địa phương về công tác thực thi quyền sở hữu trí tuệ, khai thác và sử dụng hiệu quả nhãn hiệu hàng hóa, nhãn

hiệu chứng nhận, chỉ dẫn địa lý,... Các nội dung bồi dưỡng phù hợp với nhu cầu của học viên và định hướng phát triển của doanh nghiệp.

b) Về tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và người lao động trong đào tạo nghề, giải quyết việc làm

Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh đã chủ động tăng cường kết nối với doanh nghiệp, ký kết đặt hàng đào tạo nhằm cung ứng nguồn nhân lực cho doanh nghiệp; phối hợp để học sinh, sinh viên (HSSV) tham gia thực tập sản xuất tại doanh nghiệp. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tiếp tục mở rộng ngành nghề, tăng số lượng và hiệu quả đào tạo nghề theo yêu cầu của thị trường lao động. Trong giai đoạn 2016 - 2020, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh tuyển sinh được 51.986 HSSV. Số HSSV tốt nghiệp là 47.280 người. Tỷ lệ HSSV tốt nghiệp trình độ cao đẳng, trung cấp có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp đạt khoảng 85%. Việc gắn kết đào tạo nghề với doanh nghiệp đã góp phần lớn vào giải quyết việc làm và cung ứng lao động cho doanh nghiệp, nhà đầu tư tại Khu Kinh tế Dung Quất, Khu Công nghiệp VSIP, các khu Công nghiệp của tỉnh; góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động, xây dựng nông thôn mới.

c) Đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo nghề; đào tạo theo nhu cầu của người sử dụng lao động

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên dạy nghề ngày càng được chú trọng. Tính đến ngày 31/12/2020, số lượng cán bộ quản lý, giáo viên dạy nghề tại các trường cao đẳng, trung cấp trên địa bàn tỉnh là 629 người. Số nhà giáo có trình độ kỹ năng nghề quốc gia bậc 2, bậc 3 và bậc 4 là 114 người. Có trên 75% nhà giáo giáo dục nghề nghiệp được chuẩn hóa, đạt chuẩn theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Hàng năm, tỉnh đã mở các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm; bồi dưỡng giáo viên giảng dạy kiến thức kinh doanh, khởi sự doanh nghiệp cho lao động nông thôn; bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục nghề nghiệp cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên tham gia đào tạo nghề tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo nghề theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Trong giai đoạn 2016 - 2020, có 113 nhà giáo được bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm nghề, 103 nhà giáo được bồi dưỡng kỹ năng dạy học tích hợp, 40 nhà giáo được bồi dưỡng lớp kiến thức kinh doanh và khởi sự doanh nghiệp, 124 nhà giáo được bồi dưỡng quản lý giáo dục nghề nghiệp.

- Về hợp tác quốc tế: Hầu hết các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh đã thành lập bộ phận chuyên trách công tác tham mưu, quản lý về hoạt động hợp tác quốc tế, tiếp nhận và chuyển giao công nghệ.

- Công tác tư vấn hướng nghiệp, định hướng nghề nghiệp: Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã chủ động phối hợp các trường phổ thông triển khai công tác hướng nghiệp; lồng ghép, thực hiện các chủ đề giáo dục hướng nghiệp trong chương trình giáo dục phổ thông với các hoạt động tư vấn tuyển sinh, thực hiện mô hình “đưa trường nghề đến với học sinh” để học sinh trải nghiệm, định hướng lựa chọn ngành nghề phù hợp với năng lực, sở thích và môi trường học tập thích hợp.

d) Hoàn thiện và phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động

Công tác thu thập, cập nhật, phân tích và dự báo thông tin thị trường lao động đã có bước phát triển. Đến nay, đã có bộ cơ sở dữ liệu gốc về thị trường lao động được chuyển giao đến cấp xã, huyện để quản lý và thực hiện từ năm 2019. Nhờ đó, người lao động dễ nắm bắt và tìm được việc làm ở các công ty, doanh nghiệp và đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng lao động. Trong giai đoạn 2016-2020, đã tổ chức 116 phiên giao dịch việc làm cố định và lưu động tại các địa phương. Thông qua Sàn giao dịch việc làm, đã có 5.091 lượt doanh nghiệp tham gia tuyển dụng lao động và thu hút 136.555 lượt lao động tham gia.

7. Tăng cường công tác nghiên cứu, dự báo, đánh giá

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, tỉnh đã tăng cường chỉ đạo các Sở, ban, ngành, các cơ quan đơn vị phối hợp chặt chẽ trong công tác dự báo, nghiên cứu, đánh giá tình hình kinh tế - xã hội, trên cơ sở quán triệt sâu sắc đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Định kỳ xây dựng Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh đảm bảo tính thực tiễn, tập trung đánh giá toàn diện các vấn đề tác động ảnh hưởng đến tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh từ đó đưa ra những giải pháp, đề xuất có chất lượng, phục vụ kịp thời cho công tác chỉ đạo điều hành của lãnh đạo tỉnh.

Tỉnh đã chú trọng lồng ghép các nội dung dự báo, đánh giá tình hình kinh tế thế giới và trong nước trong các hội thảo, hội nghị hướng đến đối tượng doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh nhằm giúp doanh nghiệp nhận định được cơ hội đầu tư, kinh doanh và chủ động đón nhận những thách thức phải đối mặt trong quá trình hội nhập quốc tế. Nổi bật là một số lớp tập huấn: “Hiệp định Đối tác toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)- cơ hội và thách thức cho doanh nghiệp, dự báo xu hướng nền kinh tế Việt Nam”; “Tập huấn Thông tư quy định thực hiện quy tắc xuất xứ EVFTA”; “Phổ biến về Cộng đồng Kinh tế ASEAN và chủ trương hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam”; “Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và những tác động tới doanh nghiệp trong bối cảnh toàn cầu hóa”...

8. Củng cố, tăng cường cơ chế phối hợp triển khai công tác hội nhập kinh tế quốc tế

Nhằm thực hiện có hiệu quả Nghị quyết, Chương trình hành động của Chính phủ về hội nhập kinh tế quốc tế, tỉnh Quảng Ngãi đã tích cực phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương triển khai đảm bảo sự thống nhất, gắn kết chặt chẽ giữa tỉnh với Trung ương. Phối hợp tốt với cơ quan Trung ương tổ chức tuyên truyền, phổ biến đường lối đối ngoại của Việt Nam, những chủ trương, chính sách của thành phố cũng như kịp thời cập nhật những vấn đề hội nhập mang tính thời sự. Tích cực chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tổ chức quán triệt, phổ biến, tuyên truyền các văn bản chỉ đạo của Trung ương và tỉnh về hội nhập quốc tế nói chung, hội nhập kinh tế quốc tế nói riêng cho cán bộ, công chức, viên chức, cộng đồng doanh nghiệp và người dân như: Nghị quyết số 31/NQ-CP ngày 13/5/2014 của Chính phủ về chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 22 của Bộ Chính trị về Hội nhập quốc tế; Nghị quyết số 49/NQ-CP ngày 10/7/2014 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ nhằm tiếp tục

thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa X về một số chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững sau khi Việt Nam gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO), Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 05/11/2016 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về thực hiện có hiệu quả tiến trình Hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới.

9. Tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền

Cấp ủy, chính quyền các cấp trên địa bàn tỉnh tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến về nội dung hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam cho các đối tượng là người dân, người lao động, các doanh nghiệp và toàn thể cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh thông qua nhiều hình thức như: bản tin, phóng sự, tọa đàm trên sóng phát thanh, truyền hình, báo, tạp chí chuyên đề, các website và trên cổng thông tin điện tử của tỉnh Quảng Ngãi và các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố; các tờ rơi, ấn phẩm tuyên truyền, đặc biệt là các hội nghị, hội thảo, tập huấn phổ biến kiến thức về HNKTQT. Nội dung trọng tâm tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước trong các lĩnh vực thuế, hải quan, thu hút đầu tư, bảo hiểm, lao động, tài chính – ngân hàng; các Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đã và đang tham gia ký kết trong thời gian qua; tình hình kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng của tỉnh; các hoạt động đón, tiếp và làm việc với các đoàn khách quốc tế của lãnh đạo tỉnh và các sở, ban, ngành; các thông tin đối ngoại của tỉnh và thông tin quốc tế,... Bên cạnh đó, các sở, ban, ngành và huyện, thành phố cũng đã tổ chức giải đáp thắc mắc của người dân qua báo, đài truyền thanh, truyền hình, website của mình trong lĩnh vực đầu tư, bảo hiểm, lao động, thuế và hải quan; thường xuyên nghiên cứu và cập nhật các văn bản pháp luật cũng như các nội dung về hội nhập kinh tế quốc tế gắn với nội dung quản lý nhà nước của ngành, đơn vị mình quản lý, đảm bảo quá trình áp dụng pháp luật thực hiện chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan chuyên môn phải trên cơ sở hiểu rõ và phù hợp với các nội dung cam kết của WTO và các hiệp định thương mại đã ký kết. Qua đó, có thể thấy công tác đối thoại doanh nghiệp, hỗ trợ doanh nghiệp trong thời gian qua được các cơ quan, ban ngành thực hiện hiệu quả. Các vướng mắc, khó khăn của doanh nghiệp đều được tiếp nhận và giải quyết nhanh chóng, kịp thời đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của doanh nghiệp.

II. Đánh giá tình hình triển khai Nghị quyết 49/NQ-CP

1. Kết quả đạt được

Sau 05 năm triển khai thực hiện Nghị quyết 49/NQ-CP ngày 10/7/2014 của Chính phủ; nhìn chung các cấp ủy Đảng, chính quyền, doanh nghiệp và Nhân dân trên địa bàn tỉnh đã nhận thức được tầm quan trọng của quá trình phát triển kinh tế - xã hội thời kỳ hội nhập. Tỉnh luôn quan tâm, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp thực hiện các dự án phát triển dịch vụ, thương mại - du lịch trên địa bàn; cải thiện và nâng cao năng lực cạnh tranh sản phẩm trên thị trường ... tạo tiền đề cho các doanh nghiệp phát triển bền vững trong thời kỳ hội nhập. Một số doanh nghiệp đã chủ động nghiên cứu, ứng dụng dây chuyền công nghệ sản xuất mới nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, cải thiện

năng suất, chất lượng sản phẩm, đáp ứng nhu cầu của thị trường nội địa và xuất khẩu. Lực lượng lao động qua đào tạo tăng lên, đáp ứng được nhu cầu lao động, việc làm trên địa bàn tỉnh trong thời hội nhập.

Giải quyết việc làm, đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài có nhiều chuyển biến tốt, hướng đến thị trường thu nhập cao, thu hút nhiều lao động và doanh nghiệp tham gia tuyển dụng; công tác đào tạo nghề được quan tâm, tập trung đổi mới, đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm, hội nhập quốc tế về đào tạo nghề được tích cực tổ chức thực hiện, góp nâng cao chất lượng và quy mô đào tạo nghề, tăng cường giao lưu văn hóa và học thuật quốc tế; công tác giảm nghèo được quan tâm tập trung, đổi mới, các chính sách được ban hành triển khai thực hiện và bước đầu phát huy hiệu quả. Qua đó, góp phần tích cực cho sự ổn định về quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, là cơ sở để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ, mục tiêu, chỉ tiêu của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

a) Tồn tại, hạn chế

- Công tác thể chế hoá từng nội dung của nghị quyết đề ra những giải pháp cụ thể cho ngành, cho doanh nghiệp, cho địa phương còn có những hạn chế. Việc hình thành đồng bộ các yếu tố của nền kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa, nâng cao năng lực cạnh tranh, doanh nghiệp và sản phẩm... còn lúng túng, khó khăn, cần được hỗ trợ và có bước đi phù hợp cho từng giai đoạn. Các chính sách cho phát triển nông nghiệp nông thôn cần phải được cụ thể hơn và có cơ chế chính sách phù hợp để người nông dân hiểu và thực hiện.

- Sản xuất nông nghiệp phát triển chưa bền vững, hiệu quả không cao; cơ cấu ngành chuyển dịch còn chậm và chưa rõ nét; sản xuất tập trung theo hướng hàng hóa bước đầu được hình thành nhưng quy mô còn nhỏ; phần lớn nông sản bán ra trên thị trường chủ yếu ở dạng thô, chưa qua chế biến. Công tác liên kết trong sản xuất nông nghiệp còn ít, chưa chủ động về đầu ra. Quy mô sản xuất nông nghiệp nhỏ.

- Chất lượng cải thiện môi trường đầu tư một số mặt còn hạn chế; các chỉ số về tiếp cận đất đai, chi phí thời gian, cạnh tranh bình đẳng, gia nhập thị trường và đào tạo lao động của chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) đạt thấp, có chiều hướng giảm sút so với các địa phương trong vùng. Phần lớn doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có quy mô nhỏ, thậm chí siêu nhỏ, khả năng cạnh tranh yếu. Kết quả thu hút đầu tư đạt kết quả tốt nhưng tiến độ thực hiện đưa dự án vào hoạt động còn gặp nhiều khó khăn, hạn chế.

- Tính khả thi một số đề tài khoa học và công nghệ còn thấp; việc ứng dụng mang lại hiệu quả chưa cao; chưa chủ động đề xuất các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cần thiết phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội; thiếu các chuyên gia giỏi, các nhà khoa học đầu ngành để dẫn dắt hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ. Việc huy động nguồn vốn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ trong doanh nghiệp và hình thành các chuỗi liên kết với hợp tác xã và nông dân còn nhiều khó khăn.

- Nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng du lịch còn hạn chế, chưa có khu, điểm du lịch hoàn chỉnh. Sản phẩm du lịch ít, thiếu đặc sắc. Thiếu dự án du lịch động lực dẫn dắt, kích thích phát triển hệ sinh thái du lịch. Hoạt động xúc tiến và kết nối du lịch trong và ngoài nước còn hạn chế.

- Công nghiệp hỗ trợ chậm phát triển, chưa tham gia sâu được vào chuỗi cung ứng, nguồn nguyên liệu vẫn còn phụ thuộc vào nhập khẩu. Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu của Quảng Ngãi tuy cao nhưng vẫn chủ yếu dựa vào khối doanh nghiệp FDI.

- Công tác tư vấn, tuyển sinh học nghề gặp nhiều khó khăn do tư tưởng coi trọng bằng cấp, tâm lý không muốn học nghề của học sinh. Thiếu hụt cả lao động có trình độ kỹ thuật và lao động phổ thông; chất lượng đào tạo lao động chưa đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp; mối quan hệ giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp còn hạn chế. Xuất khẩu lao động tại các huyện miền núi còn khó khăn, số lượng, chất lượng còn thấp.

- Công tác giảm nghèo chưa thật sự bền vững, nhất là ở khu vực miền núi; việc lồng ghép các chương trình, dự án để thực hiện chương trình giảm nghèo đạt hiệu quả chưa cao.

- Việc triển khai các nội dung cải cách hành chính còn chưa quyết liệt đồng bộ; thủ tục hành chính trên một số lĩnh vực còn rườm rà, phức tạp gây khó khăn cho tổ chức, cá nhân; việc giải quyết thủ tục hành chính của một số sở, ngành, địa phương chưa đúng thời gian quy định; cơ chế một cửa ở một số cơ quan, đơn vị còn mang tính hình thức, thực hiện chưa đúng quy trình, thủ tục hồ sơ, phí, lệ phí niêm yết chưa đầy đủ, kịp thời.

b) Nguyên nhân

- *Nguyên nhân khách quan:*

Những năm qua, thế giới có nhiều biến động lớn do tác động của chiến tranh thương mại giữa các nền kinh tế, sự căng thẳng chính trị giữa các quốc gia và dịch bệnh kéo dài. Các yếu tố trên đã làm cho kinh tế thế giới có giai đoạn rơi vào tình trạng suy thoái. Trong bối cảnh chung của thế giới, tình hình kinh tế - xã hội của Việt Nam nói chung và của tỉnh Quảng Ngãi nói riêng cũng đã bị ảnh hưởng.

Sự chông chéo giữa các Luật chuyên ngành dẫn đến khó khăn, lúng túng trong quá trình áp dụng (giữa pháp luật về đầu tư, đất đai, chuyển giao công nghệ, nhà ở, đô thị...) gây ảnh hưởng trong công tác thu hút đầu tư.

Hầu hết doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có quy mô nhỏ và vừa, thậm chí siêu nhỏ nên gặp nhiều khó khăn trước mức độ cạnh tranh ngày càng gia tăng. Áp lực từ cạnh tranh của thị trường dẫn đến việc dịch chuyển hoặc đầu tư mở rộng hoạt động sản xuất của một số dự án sang địa phương khác; việc thực hiện các cam kết về giảm thuế quan, hạn ngạch nhập khẩu và các điều kiện khác của các hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và các nước tác động không nhỏ đến tình hình sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp tại Quảng Ngãi. Năng lực và nguồn lực của một số nhà đầu tư thấp, kéo dài thời gian triển khai dự án.

- *Nguyên nhân chủ quan:*

+ Đội ngũ cán bộ trong công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế còn mỏng; Năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra.

+ Công tác cải cách hành chính chưa đạt hiệu quả như mong muốn.

+ Tình trạng sản xuất manh mún, phân tán ở nông hộ, sản xuất nhiều loại cây trồng trên một diện tích ảnh hưởng lớn đến quá trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp; khó khăn trong cơ giới hóa sản xuất. Vùng nguyên liệu cho ngành sản xuất chế biến, nhất là chế biến nông, lâm, thủy sản còn hạn chế cả về năng suất và chất lượng. Công tác định hướng, dự báo thị trường chưa được chú trọng. Tổ chức sản xuất theo hướng hợp tác, liên doanh, liên kết theo chuỗi giá trị từ sản xuất đến tiêu thụ còn nhiều hạn chế. Liên kết tiêu thụ sản phẩm trong sản xuất nông nghiệp vẫn còn một số hạn chế nhất định, thiếu tính bền vững dẫn đến nhiều sản phẩm không tiêu thụ được hoặc tiêu thụ với giá cả thấp như dưa hấu, ớt và một số sản phẩm nông nghiệp khác.

+ Việc chủ động nắm bắt những cơ hội để thâm nhập và khai thác thị trường xuất khẩu của nhiều doanh nghiệp chưa cao; quan hệ hợp tác đầu tư thương mại với các tỉnh trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung để phát huy lợi thế trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ, du lịch chưa rõ nét.

+ Hệ thống thông tin thị trường lao động chưa hoàn thiện, còn nhiều hạn chế, chưa đầy đủ, kịp thời, chưa đáp ứng yêu cầu.

+ Sự phối hợp giữa các ngành, các cấp chính quyền địa phương đôi khi chưa được chặt chẽ, chưa giải quyết kịp thời các phát sinh, vướng mắc trong công tác quản lý.

III. Kiến nghị các nhiệm vụ trọng tâm đưa vào Nghị quyết mới về hội nhập kinh tế quốc tế nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế trong giai đoạn 2021-2025

1. Kiến nghị chung

- Duy trì và tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục đến cán bộ, công chức, doanh nghiệp và nhân dân về đường lối, chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về hội nhập quốc tế, vị trí, vai trò của hội nhập quốc tế trong tình hình mới; nội dung thông tin phải phong phú, thiết thực và có sức thuyết phục cao.

- Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác hội nhập quốc tế trong các lĩnh vực, đặc biệt trong việc phân tích, định hướng và dự báo những vấn đề phát sinh trong hội nhập kinh tế.

- Củng cố, tăng cường cơ chế phối hợp, giám sát triển khai công tác hội nhập kinh tế quốc tế, khai thác hiệu quả công tác ngoại giao phát triển kinh tế.

- Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, nhất là các thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp; Đẩy nhanh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành.

- Nâng cao năng lực cạnh tranh đối với doanh nghiệp trong nước trong bối cảnh giai đoạn từ 2020 đến 2025 sẽ lần lượt hoàn tất các cam kết của các FTA

ASEAN với Trung Quốc, Australia và New Zealand, Ấn Độ, Hàn Quốc, Nhật Bản; từ 2026 đến 2030 là giai đoạn hoàn tất các cam kết của FTA Việt Nam với Nhật Bản, Liên minh Kinh tế Á - Âu, Chile. Đây là thời điểm chúng ta bắt đầu thực thi nhiều cam kết cắt giảm sâu, tiêu chuẩn cao, trong khi phải đồng thời triển khai các cam kết FTA thế hệ mới (CPTPP, EVFTA, UKVFTA).

- Tiếp tục hoàn thiện pháp luật và thể chế, đặc biệt về thể chế kinh tế; Thực hiện cơ chế tham vấn đối với các doanh nghiệp và các đối tượng liên quan trong quá trình xây dựng chính sách, pháp luật theo nguyên tắc công khai, minh bạch của WTO và các Hiệp định quốc tế đã được ký kết trong thời gian vừa qua.

- Xây dựng cơ chế phối hợp, cung cấp thông tin về hội nhập kinh tế quốc tế giữa các ngành; giữa các cơ quan ở Trung ương và địa phương; giữa cơ quan quản lý nhà nước và doanh nghiệp bảo đảm cho các tổ chức, cá nhân dễ dàng tiếp cận và kịp thời nắm bắt.

2. Kiến nghị đối với một số lĩnh vực cụ thể:

- Lĩnh vực đầu tư:

+ Kết hợp hài hòa cả 2 phương pháp xúc tiến đầu tư: xúc tiến đầu tư thích ứng và xúc tiến đầu tư chủ động.

+ Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh: Đẩy mạnh cải cách hành chính trong công tác phối hợp giữa các cơ quan chức năng nhằm rút ngắn thời gian thành lập, giảm chi phí đầu vào, gia tăng mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp.

- Lĩnh vực công thương:

+ Thúc đẩy ngành công nghiệp phụ trợ; chuyển đổi phương thức sản xuất từ gia công, lắp ráp sang nghiên cứu, chế tạo để nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm, hàng hóa.

+ Phát triển thương mại điện tử trở thành một trong những lĩnh vực tiên phong của nền kinh tế số.

- Lĩnh vực khoa học – công nghệ:

+ Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến, tư vấn, môi giới, đánh giá, thẩm định và chuyển giao công nghệ. Thúc đẩy sự liên thông của thị trường khoa học - công nghệ với thị trường hàng hóa, dịch vụ, thị trường lao động, thị trường vốn. Tăng cường hỗ trợ hoạt động quản lý, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ.

+ Khuyến khích hình thức liên doanh và tăng cường liên kết, chuyển giao công nghệ giữa doanh nghiệp trong nước với các doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài.

- Lĩnh vực nông nghiệp:

+ Tiếp tục thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu.

+ Tăng cường chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông sản; mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản tại các tỉnh, thành trong nước và quốc tế, đặc biệt là các sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP.

- Lĩnh vực lao động:

+ Xây dựng hệ thống an sinh xã hội toàn dân linh hoạt và hiệu quả, đảm bảo phát triển hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế bền vững gắn với giải quyết tốt các vấn đề xã hội, nâng cao mức sống của nhân dân.

+ Tăng cường năng lực các cơ sở giáo dục nghề nghiệp để có thể đào tạo được một số nghề đạt trình độ khu vực ASEAN và quốc tế theo chương trình chuyển giao từ nước ngoài.

Trên đây là báo cáo tổng kết tình hình thực hiện Nghị quyết số 49/NQ-CP của Chính phủ, Sở Công Thương Quảng Ngãi kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- BCĐ liên ngành HNQT về kinh tế;
- Bộ Công Thương;
- UBND tỉnh;
- Các Sở, ban ngành tỉnh;
- UBND các huyện, TX, TP;
- GD, các PGĐ Sở;
- Phòng KHTCTH sở;
- Lưu VT, QLXNK.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đỗ Tiên Đạt